

Số: 262 /TB-HĐTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2025

### **THÔNG BÁO**

#### **Danh sách thí sinh không trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức Bệnh viện thành phố Thủ Đức năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính Phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 948/KH-BV ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện thành phố Thủ Đức về Tuyển dụng viên chức tại Bệnh viện thành phố Thủ Đức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-BV ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện thành phố Thủ Đức về Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại Bệnh viện thành phố Thủ Đức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-BV ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện thành phố Thủ Đức về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện thành phố Thủ Đức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-BV ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện thành phố Thủ Đức về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức tại Bệnh viện thành phố Thủ Đức năm 2025.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện thành phố Thủ Đức thông báo kết quả không trúng tuyển viên chức năm 2025 đối với 61 thí sinh có tên theo danh sách đính kèm thông báo.

(Đính kèm danh sách thí sinh không trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2025)

Đồng thời, Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo đến các thí sinh không trúng tuyển viên chức kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 những nội dung cụ thể như sau:

1. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.
2. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:
  - Có kết quả kiểm tra, sát hạch kỹ năng sử dụng ngoại ngữ Đạt đối với thí sinh



dự thi vị trí việc làm yêu cầu chức danh nghề nghiệp hạng III, nghiên cứu viên;

- Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên (đạt từ 50% điểm trở lên đối với từng phần phỏng vấn);

- Có số điểm tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm mà thí sinh ứng tuyển.

3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

4. Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

5. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Thí sinh theo danh sách;
- Lưu: VT, P. TCCB (NĐT.03b).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**BS.TKII.Hoàng Văn Dũng**

**DANH SÁCH**  
**THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN KỶ TUYỂN VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC NĂM 2025**  
(Ban hành kèm theo Thông báo số 91/CTB-HĐTD ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch hội đồng tuyển dụng viên chức)

| STT | Họ và tên lót     | Tên    | Giới tính  |            | Trình độ chuyên môn |                       | Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp y tế           |                         |                       | Sát hạch Tiếng Anh | Tổng điểm | Điểm ưu tiên | Tổng cộng | Ghi chú                                         |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|---------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------|-----------|--------------|-----------|-------------------------------------------------|
|     |                   |        | Nam        | Nữ         | Trình độ            | Chuyên ngành đào tạo  | Phòng/khoa/cơ sở trực tuyển                          | Vị trí                  | Chức danh nghề nghiệp |                    |           |              |           |                                                 |
| 1   | Danh Thị Hồng     | Sa     |            | 13/01/1990 | Đại học             | Y học dự phòng        | Phòng Chỉ đạo tuyến - Đào tạo và nghiên cứu khoa học | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 54,5      | 5            | 59,5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 2   | Trần Quỳnh        | Hoa    |            | 23/05/1996 | Đại học             | Quản lý tài chính     | Phòng Kế hoạch tổng hợp                              | Chuyên viên             | 01.003                | Văn bằng tiếng Nga | 54        |              | 54        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 3   | Lê Thiên          | Phúc   | 22/09/2000 |            | Đại học             | Quản trị nhân lực     | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 74        |              | 74        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 4   | Nguyễn Thị Phương | Loan   |            | 01/02/1986 | Đại học             | Luật                  | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 57        |              | 57        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 5   | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    |            | 24/08/1985 | Đại học             | Luật                  | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 55,5      |              | 55,5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 6   | Tạ Chi Mỹ         | Hành   |            | 16/03/2002 | Đại học             | Quan hệ lao động      | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 17        |              | 17        | Kiểm thức chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 7   | Đỗ Nguyễn Hồng    | Nhung  |            | 04/09/2001 | Đại học             | Luật Kinh doanh       | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 8   | Hồ Thị Liên       | Hương  |            | 03/02/1998 | Đại học             | Luật Kinh tế          | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 9   | Huỳnh Hữu         | Hiệp   | 01/02/1999 |            | Đại học             | Quản lý nhà nước      | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 51        |              | 51        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 10  | Huỳnh Phi         | Hùng   | 21/12/1996 |            | Đại học             | Luật                  | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 70,5      |              | 70,5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 11  | Lê Hiền           | Thương | 09/10/2001 |            | Đại học             | Quản lý nhà nước      | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 12  | Nguyễn Thị Minh   | Thanh  |            | 01/08/1989 | Đại học             | Quản trị nhân lực     | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Chuyên viên             | 01.003                | Đạt                | 50,5      |              | 50,5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 13  | Lê Thanh          | Tài    | 12/09/1992 |            | Đại học             | Kế toán               | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031              | Đạt                | 55        | 5            | 60        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 14  | Lê Thị Tuyết      | Minh   |            | 05/10/2001 | Đại học             | Tài chính ngân hàng   | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031              | Đạt                | 15        |              | 15        | Kiểm thức chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 15  | Từ Anh            | Tuấn   | 06/09/1988 |            | Đại học             | Tài chính - Ngân hàng | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031              | Đạt                | 60        | 5            | 65        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 16  | Đậu Thị           | Thanh  |            | 14/08/1999 | Đại học             | Công tác xã hội       | Phòng Công tác xã hội                                | Công tác xã hội viên    | V.09.04.02            | Đạt                | 84,5      |              | 84,5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 17  | Hoàng Hồ Thanh    | Hiền   |            | 14/03/2001 | Đại học             | Công tác xã hội       | Khoa Tâm thần                                        | Công tác xã hội viên    | V.09.04.02            |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 18  | Lê Hà Minh        | Trang  |            | 26/03/2001 | Đại học             | Xã hội học            | Phòng Công tác xã hội                                | Công tác xã hội viên    | V.09.04.02            | Đạt                | 60        | 5            | 65        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 19  | Lê Lương Ngọc     | Diệp   |            | 04/01/2000 | Đại học             | Công tác xã hội       | Phòng Công tác xã hội                                | Công tác xã hội viên    | V.09.04.02            | Đạt                | 27        |              | 27        | Kiểm thức chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 20  | Trần Phan Diệu    | Anh    |            | 20/05/1998 | Đại học             | Tâm lý học            | Khoa Tâm thần                                        | Công tác xã hội viên    | V.09.04.02            | Đạt                | 59,5      |              | 59,5      | Hết chỉ tiêu                                    |



| STT | Họ và tên lót    | Tên   | Giới tính  |            | Trình độ chuyên môn | Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp y tế |                                                      |                             |             | Sát hạch Tiếng Anh | Tổng điểm | Điểm ưu tiên | Tổng cộng | Ghi chú                                         |
|-----|------------------|-------|------------|------------|---------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|--------------------|-----------|--------------|-----------|-------------------------------------------------|
|     |                  |       | Nam        | Nữ         |                     | Vị trí                                     | Chức danh nghề nghiệp                                | Mã số                       |             |                    |           |              |           |                                                 |
| 21  | Trần Thị         | Chi   |            | 10/05/1988 | Dai hoc             | Công tác xã hội                            | Phòng Công tác xã hội                                | Công tác xã hội viên        | V. 09.04.02 | Đạt                | 32        |              | 32        | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 22  | Lê Sỹ            | Hiếu  | 23/09/1994 |            | Dai hoc             | Y học dự phòng                             | Phòng Chi đạo tuyến - Đào tạo và nghiên cứu khoa học | Nghiên cứu viên (thang III) | V. 05.01.03 | Đạt                | 69.5      |              | 69.5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 23  | Nguyễn Thiên     | Lý    |            | 09/02/2000 | Dai hoc             | Kinh tế                                    | Phòng Công tác xã hội                                | Cán sự                      | 01.004      | Đạt                | 50        |              | 50        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 24  | Nguyễn Minh      | Chuẩn | 07/09/2001 |            | Dai hoc             | Dược sĩ                                    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Chuyên viên                 | 01.003      | Đạt                | 53.5      |              | 53.5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 25  | Phạm Thị Trang   | Nhung |            | 02/04/1999 | Dai hoc             | Dược sĩ                                    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Chuyên viên                 | 01.003      | Đạt                | 15        |              | 15        | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 26  | Dương Ngọc Quỳnh | Trần  |            | 13/01/2001 | Dai hoc             | Kỹ thuật y sinh                            | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Kỹ sư (thang III)           | V. 05.02.07 | Đạt                | 50        |              | 50        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 27  | Đặng Đàm Minh    | Nghĩa | 20/04/1986 |            | Dai hoc             | Công nghệ Hoà học                          | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Kỹ sư (thang III)           | V. 05.02.07 | Đạt                | 12.5      | 2.5          | 15        | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 28  | Nguyễn Tiến      | Nhân  | 23/09/1990 |            | Chuyên khoa cấp I   | Hội sức khỏe tâm thần - chống độc          | Khoa Hội sức khỏe tâm thần                           | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 29  | Đào Thanh        | Tùng  | 13/03/1998 |            | Dai hoc             | Y khoa                                     | Khoa Nội thần - Thận nhân tạo                        | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 83        |              | 83        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 30  | Hồ Thị           | Nghĩa |            | 24/02/1995 | Dai hoc             | Y học cổ truyền                            | Khoa Y học cổ truyền                                 | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |
| 31  | Du Chi           | Lập   | 15/08/1994 |            | Chuyên khoa cấp I   | Ngoại tổng quát                            | Khoa Ngoại tổng hợp                                  | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 62        |              | 62        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 32  | Đoàn Quang       | Huy   | 19/10/1999 |            | Dai hoc             | Y khoa                                     | Khoa Tiết niệu - Nam khoa                            | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 66        |              | 66        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 33  | Lê Thị Minh      | Nhật  |            | 13/08/1998 | Dai hoc             | Răng Hàm Mất                               | Khoa Răng Hàm Mất                                    | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 74        |              | 74        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 34  | Nguyễn Văn       | Sang  | 06/10/1992 |            | Chuyên khoa cấp I   | Ngoại khoa                                 | Khoa Ngoại tổng hợp                                  | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 88.5      |              | 88.5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 35  | Phạm Ngọc        | Thạch | 01/05/1985 |            | Chuyên khoa cấp I   | Ngoại khoa                                 | Khoa Ngoại tổng hợp                                  | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 80.5      |              | 80.5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 36  | Phạm Vũ Minh     | Thu   |            | 20/01/1999 | Dai hoc             | Răng Hàm Mất                               | Khoa Răng Hàm Mất                                    | Bác sĩ (thang III)          | V. 08.01.03 | Đạt                | 66.5      |              | 66.5      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 37  | Hà Bích          | Hằng  |            | 20/09/2001 | Dai hoc             | Dinh dưỡng                                 | Khoa Dinh dưỡng                                      | Dinh dưỡng hạng III         | V. 08.09.25 | Đạt                | 67.8      |              | 67.8      | Hết chỉ tiêu                                    |
| 38  | Đỗ Tiến          | Thanh | 20/09/1998 |            | Thạc sĩ             | Dược lý - Dược lâm sàng                    | Khoa Dược                                            | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 | Đạt                | 40        |              | 40        | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 39  | Nguyễn Thị Như   | Trang |            | 23/10/1995 | Thạc sĩ             | Dược lý - Dược lâm sàng                    | Khoa Dược                                            | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 | Đạt                | 55        |              | 55        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 40  | Nguyễn Thị Xuân  | Tân   |            | 16/03/1997 | Thạc sĩ             | Dược lý - Dược lâm sàng                    | Khoa Dược                                            | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 | Đạt                | 45.5      |              | 45.5      | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 41  | Phạm Văn         | Thoai | 20/07/1980 |            | Dai hoc             | Dược sĩ                                    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 | Đạt                | 25        |              | 25        | Kiểm thực chung và chuyên môn không đạt 50 điểm |
| 42  | Trần Nguyễn Kim  | Khuê  |            | 25/11/1995 | Dai hoc             | Dược sĩ                                    | Khoa Dược                                            | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 | Đạt                | 80        |              | 80        | Hết chỉ tiêu                                    |
| 43  | Vũ Thụy Ngọc     | Trang |            | 08/08/1993 | Dai hoc             | Dược sĩ                                    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế                          | Dược sĩ (thang III)         | V. 08.08.22 |                    |           |              |           | Bỏ thí                                          |

| STT | Họ và tên lót    | Tên   | Giới tính  |            | Trình độ chuyên môn |                             | Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp y tế |                              |            |  |           | Sát hạch Tiếng Anh | Tổng điểm | Điểm ưu tiên | Tổng cộng | Ghi chú                      |
|-----|------------------|-------|------------|------------|---------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|------------|--|-----------|--------------------|-----------|--------------|-----------|------------------------------|
|     |                  |       | Nam        | Nữ         | Trình độ            | Chuyên ngành đào tạo        | Vị trí phòng/khoa/cơ sở trực tiếp tuyển    | Chức danh nghề nghiệp        | Mã số      |  |           |                    |           |              |           |                              |
| 44  | Hoàng Thị Tuyết  | Nhung |            | 23/08/1999 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | phòng/khoa/sức tim mạch                    | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  | Miễn thi  | 58                 |           | 58           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 45  | Nguyễn Minh      | Thuật | 29/09/1998 |            | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Hồi sức tim mạch                      | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  | Miễn thi  | 55                 |           | 55           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 46  | Phạm Văn         | Đức   | 12/08/1998 |            | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Hồi sức tim mạch                      | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  | Miễn thi  | 54.5               |           | 54.5         |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 47  | Đặng Thị         | Hoa   |            | 02/11/1992 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Khám bệnh                             | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           |                    |           |              |           | Bỏ thi                       |
| 48  | Lê Thị           | Hiền  |            | 27/03/2001 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Nhi                                   | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           | 79.5               |           | 79.5         |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 49  | Nguyễn Thị Huyền | Trình |            | 29/04/1999 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Cấp cứu                               | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           | 87                 |           | 87           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 50  | Quảng Xuân Diệu  | Mai   |            | 05/01/1992 | Đại học             | Điều dưỡng                  | Khoa Nhi                                   | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           | 71                 |           | 71           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 51  | Trần Nguyễn Bảo  | Vị    |            | 16/11/1998 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Cấp cứu                               | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           | 75                 |           | 75           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 52  | Trần Thị Kim     | Thị   |            | 08/12/2000 | Cao đẳng            | Điều dưỡng                  | Khoa Khám bệnh                             | Điều dưỡng hạng IV           | V.08.05.13 |  |           |                    |           |              |           | Bỏ thi                       |
| 53  | Đặng Thị Nhật    | Uyên  |            | 04/07/1997 | Đại học             | Phục hồi chức năng          | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng  | Kỹ thuật y học III           | V.08.07.18 |  | Đạt       | 89.5               |           | 89.5         |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 54  | Huỳnh Thị Mỹ     | Duyên |            | 25/10/1997 | Đại học             | Phục hồi chức năng          | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng  | Kỹ thuật y học III           | V.08.07.18 |  | Đạt       | 87.5               |           | 87.5         |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 55  | Phạm Thị Thanh   | Thúy  |            | 16/04/1999 | Đại học             | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng  | Kỹ thuật y học III           | V.08.07.18 |  | Đạt       | 89                 |           | 89           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 56  | Võ Nguyễn Minh   | Thư   |            | 12/11/2001 | Đại học             | Kỹ thuật hình ảnh y học     | Khoa Chẩn đoán hình ảnh                    | Kỹ thuật y học III           | V.08.07.18 |  | Đạt       | 85.5               |           | 85.5         |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 57  | Nguyễn Văn       | Toàn  | 29/04/1997 |            | Đại học             | Khoa học máy tính           | Phòng Công nghệ thông tin                  | Công nghệ thông tin hạng III | V11.06.14  |  | Không đạt |                    |           |              |           | Không đạt sát hạch tiếng anh |
| 58  | Đào Minh         | Đức   | 17/07/1984 |            | Đại học             | Luật                        | Phòng Hành chính quản trị                  | Chuyên viên                  | 01.003     |  |           |                    |           |              |           | Bỏ thi                       |
| 59  | Đặng Vũ          | Linh  | 16/12/1997 |            | Đại học             | Công nghệ thông tin         | Phòng Hành chính quản trị                  | Chuyên viên                  | 01.003     |  | Không đạt |                    |           |              |           | Không đạt sát hạch tiếng anh |
| 60  | Nguyễn Thị Bích  | Thúy  |            | 19/08/1981 | Đại học             | Kinh tế                     | Phòng Hành chính quản trị                  | Chuyên viên                  | 01.003     |  | Đạt       | 50                 |           | 50           |           | Hết chỉ tiêu                 |
| 61  | Hoàng Thị Ngọc   | Thúy  |            | 28/09/1993 | Chuyên khoa cấp I   | Hồi sức cấp cứu             | Khoa Hồi sức tích cực và chống độc         | Bác sĩ (hạng III)            | V.08.01.03 |  | Đạt       | 98                 |           | 98           |           | Hết chỉ tiêu                 |

Tổng cộng danh sách có 61 thí sinh không trúng tuyển./.



Bs. CKII Hoàng Văn Dũng

